TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 - 2018.
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1998, năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B. Do có nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2010 ông K bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thị trấn L, huyện L sinh sống sau đó thì bỏ đi luôn không ai biết ông K ở đâu. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông K và do ông K đã bị tuyên mất tích nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phúc, sinh ngày

30/5/1999, đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và tống đạt hợp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, do ông K đã bị tuyên bố mất tích và hiện cũng không có tin tức gì nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Minh K đã bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố mất tích theo Quyết định số 05/2018/QĐDS-ST ngày 15/11/2018 và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND phường P, thị xã B (nay là thành phố B) nên hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc ông K bỏ về nhà tại thị trấn L, huyện L ở từ năm 2010, sau đó thì biệt tích tới nay. Theo xác nhận của Công an thị trấn L thì ông K đã bỏ địa phương đi từ đầu năm 2015 và ngày 15/11/2018 ông K bị Tòa án tuyên bố mất tích. Như vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 30/5/1999 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

2. Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh

ngày 30/5/1999 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009586 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- UBND phường P, TP. B;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

HOÀNG TRÍ THỨC